



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

Cơ bản

jag

du

han

hon

den/det

vi

ni

de/dem

vad

vem

var

varför

hur

vilken

när

sedan

om

verkligen

men

eftersom

inte

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

det här

det där

alla
allmännelig

eller

och

här

där

vänster

höger

nu

eftermiddag

förmiddag

natt

morgon

kväll

middagstid

midnatt

timme

minut

sekund

dag

tất cả

đó

này

đây

và

hoặc

phải

trái

đó

buổi sáng

buổi chiều

bây giờ

buổi tối

buổi sáng

ban đêm

giờ

nửa đêm

buổi trưa

ngày

giây

phút

vecka

månad

år

i går

i dag

i morgon

måndag

tisdag

onsdag

torsdag

fredag

lördag

söndag

kvinna

man

kärlek

pojkvän

flickvän

vän

kyss

sex

năm

tháng

tuần

ngày mai

hôm nay

hôm qua

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

đàn ông

đàn bà

chủ nhật

bạn gái

bạn trai

tình yêu

tình dục

hôn

bạn

barn

flicka

pojke

mamma

pappa

mor

far

förälder

son

dotter

lillasyster

lillebror

storasyster

storebror

make

maka

varje

alltid

faktiskt

igen

redan

con trai

con gái

trẻ em

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

chồng

anh trai

chị gái

luôn luôn

mỗi / mọi

vợ

đã

lần nữa

thực ra

mindre

mest

mer

ingen

väldigt

utanför

inuti

långt borta

nära

under

ovan

bredvid

fram

bak

alla
personer

tillsammans

andra
fraser

vår

sommar

höst

vinter

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

ở ngoài

rất

không có

gần

xa

ở trong

bên cạnh

bên trên

bên dưới

mọi người

phía sau

phía trước

mùa xuân

khác

cùng nhau

mùa đông

mùa thu

mùa hè

januari

februari

mars

april

maj

juni

juli

augusti

september

oktober

november

december

nord

öst

syd

väst

ofta

omedelbart

plötsligt

även om

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

nam

đông

bắc

ngay lập tức

thường xuyên

tây

mặc dù

đột ngột

Số

noll

ett/en

två

tre

fyra

fem

sex

sju

åtta

nio

tio

elva

tolv

tretton

fjorton

femton

sexton

sjutton

arton

nitton

tjugo

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

tjugoett/tjugoen

tjugotvå

tjugosex

trettio

trettioett/trettioen

trestitre

trettiosju

fjrtio

fjrtioett/fjrtioen

fjrtiofyra

fjrtioåtta

femtio

femtioett/femtioen

femtiofem

femtioio

sextio

sextioett/sextioen

sextiotvå

sextiosex

sjuttio

sjuttioett/sjuttioen

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

sjuttiotre

sjuttiosju

åttio

åttioett/åttioen

åttiofyra

åttioåtta

nittio

nittioett/nittioen

nittiofem

nittionio

etthundra

etthundraett/etthundraen

etthundrafem

etthundratio

etthundrafemtioett/etthundrafemtioen

tvåhundra

tvåhundratvå

tvåhundrasex

tvåhundratjugo

tvåhundrasextiotvå

trehundra

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

trehundratre

trehundrasju

trehundratrettio

trehundrasjuttiotre

fyrhundra

fyrhundrafyra

fyrhundraåtta

fyrhundrafyrtio

fyrhundraåttiofyra

femhundra

femhundrafem

femhundranio

femhundrafemtio

femhundranittiofem

sexhundra

sexhundraett/sexhundraen

sexhundrasex

sexhundrasexton

sexhundrasextio

sjuhundra

sjuhundratvå

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

sjuhundrasju

sjuhundratjugosju

sjuhundrasjuttio

åttahundra

åttahundratre

åttahundraåtta

åttahundratrettioåtta

åttahundraåttio

niohundra

niohundrafyra

niohundranio

niohundrafyrtionio

niohundranittio

ettusen

ettusenett/ettusen

ettusentolv

ettusentvåhundratrettiofyra

tvåusen

tvåusentvå

tvåusenttjugotre

tvåusentrehundrafyrtiofem

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

tretusen

tretusentre

fyratusen

fyratusenfyrtiofem

femtusen

femtusensexhundrasjuttioåtta

sextusen

sjutusen

sjutusenåttahundranittio

åttatusen

åttatusenniohundraett/åttatusenniohundraen

niotusen

niotusenennittio

tiotusen

tiotusenett/tiotusenen

tjugotusentjugo

treттіotusentrehundra

fyrtiofyratusen

etthundratusen

femhundratusen

en miljon

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sex miljoner

tio miljoner

sjuttio miljoner

etthundra miljoner

åttahundra miljoner

en miljard

nio miljarder

tio miljarder

tjugo miljarder

etthundra miljarder

trehundra miljarder

en biljon

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Động từ

att veta

att tänka

att komma

att lägga

att ta

att hitta

att lyssna

att arbeta

att prata

att ge
allmännelig

att tycka om

att hjälpa

att älska

att ringa

att vänta

att stå

att sitta

att stänga

att öppna
dörr

att förlora

att vinna

đến

nghĩ

biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

chờ đợi

gọi

yêu

đóng

ngồi

đứng

thắng

thua

mở

att dö

att leva

att sätta på

att stänga av

att döda

att skada

att röra

att titta

att dricka

att äta

att gå

att träffa

att tippa

att kyssa

att följa

att gifta sig

att svara

att fråga

att dra
dörr

att trycka

att trycka på

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cười

ấn

đẩy

kéo

att slå

att fånga

att slåss

att kasta

att springa

att läsa

att skriva

att laga

att räkna

att skära

att sälja

att köpa

att betala

att studera

att drömma

att sova

att spela
spel

att fira

att njuta av

att städa

att skjuta

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

bắn

dọn dẹp

thưởng thức

att försvara

att attackera

att stjäla

att brinna

att rädda

att flyga

att spotta

att sparka

att bita

att andas

att lukta

att gråta

att sjunga

att le

att skratta

att växa

att krympa

att bråka

att dela

att mata

att gömma

trộm

tấn công

bảo vệ

bay

cứu

đốt

cẩn

đá

khắc nhỏ

khóc

ngủi

thở

cười

cười mỉm

hát

tranh luận

co lại

lớn lên

trốn

cho ăn

chia sẻ

att varna

att simma

att hoppa

att lyfta

att gräva

att leverera

att leta efter

att öva

att resa

att måla

att öppna
lås

att låsa

att tvätta

att be

att tillaga

att kräkas

att skrika

att citera

att skriva ut

att räkna ut

att tjäna

nhảy

bơi

cảnh báo

giao hàng

đào

nâng

đi du lịch

luyện tập

tìm kiếm

khóa

mở

vẽ

nấu ăn

cầu nguyện

rửa

trích dẫn

la hét

nôn

kiếm tiền

tính toán

in

Tính từ

ny

gammal
allmännelig

få

många

fel

rätt

ond
allmännelig

god

glad

kort
allmännelig

lång
allmännelig

liten

stor

vacker

ung

gammal
person

vit

svart

röd

blå

grön

ít

cũ

mới

chính xác

sai

nhiều

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

trẻ

xinh đẹp

lớn

màu đen

màu trắng

già

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

màu đỏ

gul

långsam

snabb

rolig

orättvis

rättvis

svår

enkel

rik

fattig

stark
person

svag

säker

trött

stolt

mätt

sjuk

frisk

arg

låg

hög

nhanh

chậm

màu vàng

công bằng

không công bằng

vui vẻ

giàu

dễ

khó

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

söt
mat

sur

mjuk

hård

söt
person

dum

galen

upptagen

lång
person

kort
person

orolig

överraskad

skötsam

ond
person

smart

kall

het

orange

grå

brun

rosa

mềm

chua

ngọt

ngu ngốc

đáng yêu

cứng

cao

bận rộn

điên khùng

ngạc nhiên

lo lắng

thấp

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

màu cam

nóng

lạnh

màu hồng

màu nâu

màu xám

tråkig

tung

lätt

ensam

hungrig

törstig

ledsen

brant

platt

smal
allmännelig

bred

djup

grund

enorm

smutsig

ren

full
allmännelig

tom

dyr

billig

sexig

nhẹ

nặng

nhàm chán

khát nước

đói bụng

cô đơn

bằng phẳng

dốc

buồn

sâu

rộng

hẹp

bẩn

lớn

nông

trống rỗng

đầy

sạch sẽ

quyến rũ

rẻ

đắt

lat

modig

generös

blöt

torr

högt

stilla

solig

regnig

dimmig

molnig

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ồn ào

khô

ướt

nhiều mưa

nắng

yên tĩnh

nhiều mây

sương mù

Thể thao

gymnastik

tennis

löpning

cykling

golf

fotboll

basket

simning

dykning

vandring

maraton

triathlon

bordtennis

tyngdlyftning

boxning

badminton

konståkning

snowboardåkning

skidåkning

längdskidåkning

ishockey

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

bóng đá

đánh golf

đạp xe

lặn

bơi lội

bóng rổ

ba môn phối hợp

chạy marathon

đi bộ đường dài

quyền anh

cử tạ

bóng bàn

trượt ván tuyết

trượt băng nghệ thuật

cầu lông

khúc côn cầu trên băng

trượt tuyết băng đồng

trượt tuyết

volleyboll

handboll

beachvolleyboll

rugby

cricket

baseboll

Amerikansk fotboll

vattenpolo

simhopp

surfing

segling

rodd

yoga

dans

fallskärmshoppning

schack

poker

bowling

balett

bóng chuyền bãi biển

bóng ném

bóng chuyền

bóng chày

bóng gậy

bóng rugby

nhảy cầu

bóng nước

bóng bầu dục Mỹ

chèo thuyền

đua thuyền buồm

lướt sóng

nhảy dù

khiêu vũ

yoga

bowling

đánh bài poker

cờ vua

múa ba lê

Động vật

gris

ko

häst

hund

får

apa

katt

björn

kyckling

anka

fjäril

bi

fisk
djur

spindel

orm

tiger

mus
djur

kanin

lejon

åsna

elefant

con ngựa

con bò

con lợn

con khỉ

con cừu

con chó

con gà

con gấu

con mèo

con ong

con bướm

con vịt

con rắn

con nhện

con cá

con thỏ

con chuột

con hổ

con voi

con lừa

con sư tử

duva

skalbagge

mygga

fluga

myra

val

haj

delfin

snigel

groda

panda

isbjörn

varg

koala

känguru

giraff

räv

flodhäst

fladdermus

corp

svan

con muỗi

con bọ

con chim bồ câu

con cá voi

con kiến

con ruồi

con ốc sên

con cá heo

con cá mập

con gấu Bắc cực

con gấu trúc

con ếch

con chuột túi

con gấu túi

con chó sói

con hà mã

con cáo

con hươu cao cổ

con thiên nga

con quạ

con dơi

fiskmåås

uggla

pingvin

papegoja

fjärilslarv

trollslända

tioarmad bläckfisk

åttaarmad bläckfisk

sjöhäst

säl

manet

krabba

dinosaurie

sköldpadda

krokodil

con chim cánh cụt

con cú

con chim hải âu

con chuồn chuồn

con sâu bướm

con vẹt

con cá ngựa

con bạch tuộc

con mực ống

con cua

con sứa

con hải cẩu

con cá sấu

con rùa cạn

con khủng long

Quốc gia

Europa

Asien

Amerika

Afrika

Storbritannien

Spanien

Schweiz

Italien

Frankrike

Tyskland

Thailand

Singapore

Ryssland

Japan

Israel

Indien

Kina

Amerikas förenta stater

Mexiko

Kanada

Chile

Châu Mỹ

Châu Á

Châu Âu

Tây Ban Nha

Vương quốc Anh

Châu Phi

Pháp

Ý

Thụy sĩ

Singapore

Thái Lan

Đức

Israel

Nhật Bản

Nga

Hoa Kỳ

Trung Quốc

Ấn Độ

Chile

Canada

Mexico

Brasilien

Argentina

Sydafrika

Nigeria

Marocko

Libyen

Kenya

Algeriet

Egypten

Nya Zeeland

Australien

Nam Phi

Argentina

Brazil

Libya

Ma Rốc

Nigeria

Ai Cập

Algeria

Kenya

Úc

New Zealand

Cơ thể

huvud

näsa

hårstrå

mun

öra

öga

hand

fot

hjärta

hjärna

hals

rumpa

axel

knä

ben
kroppsdel

arm

mage

barm

rygg

tand

tunga

tóc

mũi

đầu

mắt

tai

miệng

tim

bàn chân

bàn tay

mông

cổ

não

chân

đầu gối

vai

ngực

bụng

tay

lưỡi

răng

lưng

läpp

finger

tå

magsäck

lunga

lever

nerv

njure

tarm

panna

haka

kind

skägg

tumme

lillfinger

ringfinger

långfinger

pekfinger

nagel

häl

ryggrad

ngón chân

ngón tay

môi

gan

phổi

dạ dày

ruột

thận

dây thần kinh

má

cằm

trán

ngón tay út

ngón cái

râu

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

xương sống

gót chân

móng tay

muskel

ben
skelett

skelett

revben

kota

urinblåsa

ven

artär

vagina

sperma

penis

testikel

bộ xương

xương

cơ bắp

bàng quang

đốt sống

xương sườn

âm đạo

động mạch

tĩnh mạch

tinh hoàn

dương vật

tinh trùng

Ngôi nhà

dörr

kök

badrum

vardagsrum

sovrum

trädgård

garage

vägg

källare

toalett
hus

trappa

tak

fönster
byggnad

kniv

kopp

glas

tallrik

mugg

papperskorg

skål
behållare

skrivbord

phòng tắm

nhà bếp

cửa

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

bàn

tô

thùng rác

säng

spegel

dusch

soffa

tavla

klocka

bord

stol

granne

hiss

balkong

vind
hus

skorsten

träslav

ätpinne

bestick

sked

gaffel

soppslav

kastrull

stekpanna

vòi hoa sen

gương

giường

đồng hồ

ảnh

ghế sofa

hàng xóm

ghế

bàn

gác xếp

ban công

thang máy

đũa

muỗng gỗ

ống khói

nĩa

muỗng

bộ dao nĩa

chảo

nồi

cái vá

glödlampa

bokhylla

gardin

madrass

kudde

filt

hylla

låda

garderob

hink

kvast

våg

tvättkorg

badkar

badhandduk

tvål

toalettpapper

handduk

handfat

stege

brevlåda

rèm

giá sách

bóng đèn

chăn

gối

nệm

tủ quần áo

ngăn kéo

kệ

cái cân

chổi

xô

khăn tắm

bồn tắm

giỏ đựng đồ giặt

khăn tắm

giấy vệ sinh

xà phòng

hộp thư

cái thang

bồn rửa mặt

staket



hàng rào

Thức ăn

ägg

ost

mjök

fisk
mat

kött

ben
mat

olja

bröd

socker

choklad

godis

tårta

vatten

kaffe

te

öl

vin

sallad
mat

soppa

efterrätt

frukost

sữa

phô mai

trứng

xương

thịt

cá

đường

bánh mì

dầu

bánh bông lan

kẹo

sô cô la

trà

cà phê

nước

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

lunch

middag

pizza

glass

smör

yoghurt

tonfisk

lax

skinka

bacon

korv

kalkonkött

kycklingkött

nötkött

fläskkött

lammkött

pumpa

svamp

tryffel

vitlök

purjolök

pizza

bữa tối

bữa trưa

sữa chua

bơ

kem

giăm bông

cá hồi

cá ngừ

thịt gà tây

xúc xích

thịt ba rọi

thịt heo

thịt bò

thịt gà

nấm

bí ngô

thịt cừu

tỏi tây

tỏi

nấm cục

ingefära

aubergine

sötpotatis

morot

gurka

chili

paprika

lök

potatis

blomkål

kål

broccoli

sallad
växt

spenat

bambu
mat

majs

selleri

ärta

böna

päron

äpple

khoai lang

cà tím

gừng

ớt

dưa chuột

cà rốt

khoai tây

củ hành

ớt chuông

bông cải xanh

bắp cải

bông cải trắng

tre

rau chân vịt

xà lách

đậu Hà Lan

cần tây

ngô

quả táo

quả lê

hạt đậu

oliv

fikon

dadel

kokosnöt

mandel

hasselnöt

jordnöt

banan

mango

kiwi

avokado

ananas

vattenmelon

druva

sockermelon

hallon

blåbär

jordgubbe

körsbär

plommon

aprikos

quả chà là

quả sung

quả ô liu

hạt phỉ

quả hạnh nhân

quả dừa

quả xoài

quả chuối

đậu phộng

quả dứa

quả bơ

quả kiwi

dưa gang

quả nho

dưa hấu

quả dâu tây

quả việt quất

quả mâm xôi

quả mơ

quả mận

quả anh đào

persika

citron

grapefrukt

apelsin

tomat

mynta

citrongräs

kanel

vanilj

salt
mat

peppar

curry

tobak

tofu

vinäger

nudel

sojamjolk

mjöl

ris

havre

vete

quả bưởi

quả chanh

quả đào

bạc hà

cà chua

quả cam

vani

quế

sả

cà ri

tiêu

muối

giấm

đậu hũ

thuốc lá

bột mì

sữa đậu nành

mì sợi

lúa mì

yến mạch

gạo

soja

nöt

honung

sylt

tuggummi

pannkaka

kaka

pudding

muffin

munk
mat

energidryck

apelsinjuice

äppeljuice

milkshake

cola

varm choklad

cocktail

rom

whisky

vodka

meny

mật ong

hạt

đậu nành

bánh kẹp

kẹo cao su

mút

bánh muffin

bánh pudding

bánh quy

nước cam

nước tăng lực

bánh rán vòng

coca cola

sữa lắc

nước táo

rượu rum

rượu cocktail

sô cô la nóng

thực đơn

rượu vodka

rượu whisky

skaldjur

spaghetti

sushi

popcorn

chips

kycklingvinge

pommes frites

senap

majonnäs

ketchup

smörgås

varmkorv

hamburgare

sushi

mì Ý

hải sản

cánh gà

khoai tây lát mỏng

bắp rang bơ

sốt mayonnaise

mù tạt

khoai tây chiên

bánh mì kẹp xúc xích

bánh mì kẹp

nước sốt cà chua

bánh burger

Trường học

bok

bibliotek

läxa

prov

lektion

vetenskap

historia

konst

penna

blyertspenna

första

andra
2.

tredje

fjärde

forskning

examen

idrottsplats

ordbok

termin

anteckningsblock

geometri

bài tập về nhà

thư viện

sách

khoa học

bài học

bài thi

cây bút

nghệ thuật

lịch sử

thứ hai

thứ nhất

bút chì

nghiên cứu

thứ tư

thứ ba

từ điển

sân thể thao

bằng cấp

hình học

sổ tay

học kì

politik

filosofi

ekonomi

idrott

biologi

matematik

geografi

litteratur

kemi

fysik

linjal

suddgummi

sax

tejp

lim

kulspetspenna

gem

tre procent

etthundra procent

noll procent

kubikmeter

kinh tế học

triết học

chính trị học

toán học

sinh học

giáo dục thể chất

hóa học

văn học

địa lý

cục tẩy

cái thước

vật lý

keo dán

băng dính

cái kéo

3%

kẹp giấy

bút bi

mét khối

0%

100%

kvadratmeter

mile

meter

millimeter

centimeter

decimeter

addition

subtraktion

multiplikation

division

area

volym

rektangel

kvadrat

triangel

cirkel

liter

milliliter

ton

kilogram

gram

mét

dặm

mét vuông

đề-xi-mét

xen-ti-mét

mi-li-mét

phép nhân

phép trừ

phép cộng

thể tích

diện tích

phép chia

tam giác

hình vuông

hình chữ nhật

mililít

lít

hình tròn

gram

kilôgam

tấn

magnet

mikroskop

tratt

laboratorium

föreläsning

cái phễu

kính hiển vi

nam châm

bài giảng

phòng thí nghiệm

Thiên nhiên

aska

eld

diamant

måne

sol

stjärna

planet

kust

sjö

skog

öken

kulle

sten

flod

dal

berg

ö

ocean

hav

is

snö

kim cương

lửa

tro

ngôi sao

mặt trời

mặt trăng

hồ

bờ biển

hành tinh

đôi núi

sa mạc

rừng

thung lũng

con sông

đá

đại dương

đảo

núi

tuyết

băng

biển

storm

regn

vind
väder

träd

gräs

ros

blomma

metall

jord

lava

kol

sand

lera

raket

satellit

galax

asteroid

kontinent

ekvator

Sydpolen

Nordpolen

gió

mưa

bão táp

hoa hồng

cỏ

cây

đất

kim loại

hoa

cát

than

dung nham

vệ tinh

tên lửa

đất sét

lục địa

tiểu hành tinh

thiên hà

Bắc cực

Nam cực

đường Xích đạo

bäck

regnskog

grotta

vattenfall

strand

glaciär

jordbävning

krater

vulkan

atmosfär

översvämning

dimma

regnbåge

åska

blixt

åskväder

temperatur

tyfon

orkan

moln

gren

hang

rừng nhiệt đới

sưởi

sông băng

bờ biển

thác nước

núi lửa

miệng núi lửa

động đất

sương mù

lũ lụt

khí quyển

tia chớp

tiếng sấm

cầu vồng

bão nhiệt đới

nhiệt độ

cơn dông

cành cây

mây

bão

löv

rot

trädstam

frö

plast

koldioxid

atom

järn

syre

guld

silver

thân cây

rễ cây

lá cây

cacbon đioxit

nhựa

hạt giống

ôxy

sắt

nguyên tử

bạc

vàng

Giao thông

bil

buss

tåg

järnvägsstation

busshållplats

flygplan

fartyg

lastbil

cykel

motorcykel

taxi

trafikljus

parkering

väg

batteri

motor
bil

airbag

ratt

bälte
bil

däck

baklucka

xe lửa

xe buýt

xe hơi

máy bay

trạm dừng xe buýt

ga xe lửa

xe đạp

xe tải

tàu

đèn giao thông

xe taxi

xe mô tô

ắc quy

đường

bãi đậu xe

vô-lăng

túi khí

động cơ

cốp sau

lốp xe

dây an toàn

biljettautomat

biljettlucka

tunnelbana

hög hastighetståg

lokomotiv

spårvagn

skolbuss

minibuss

flygplats

flygbolag

helikopter

första klass

ekonomiklass

affärsklass

flytväst

container

ubåt

kryssningsfartyg

containerfartyg

yacht

färja

tàu điện ngầm

phòng bán vé

máy bán vé

xe điện

đầu máy

tàu cao tốc

sân bay

xe buýt nhỏ

xe buýt trường học

hạng nhất

máy bay trực thăng

hãng hàng không

áo phao

hạng thương gia

hạng phổ thông

tàu du lịch

tàu ngầm

công ten nơ

phà

du thuyền

tàu chở hàng

hamn

livbåt

radar

gatubelysning

trottoar

bensinstation

byggarbetsplats

övergångsställe

trafikstockning

motorväg

pansarvagn

grävmaskin

traktor

släp

skoter

linbana

ra đũa

xuống cứu sinh

hải cảng

trạm xăng

vĩa hè

đèn đường

tắc đường

vạch qua đường

công trường

máy xúc

xe tăng

đường cao tốc

xe tay ga

rơ-moóc

máy kéo

xe cáp treo

Thành phố

sjukhus

skola

hus

räkning

marknad

stormarknad

lägenhet

universitet

bondgård

kyrka

restaurang

bar

gym

park

toalett
offentlig

karta

ambulans

polis
allmänlig

brandkår

land

förort

nhà ở

trường học

bệnh viện

siêu thị

chợ

hóa đơn

nông trại

trường đại học

căn hộ

quán bar

nhà hàng

nhà thờ

nhà vệ sinh

công viên

phòng thể dục

cảnh sát

xe cứu thương

bản đồ

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

by

garanti

köpcentrum

apotek

skyskrapa

slott

ambassad

synagoga

tempel

fabrik

moské

stadshus

postkontor

fontän

nattklubb

bänk

golfbana

fotbollsarena

simbassäng
byggnad

tennisbana

turistinformation

trung tâm mua sắm

bảo hành

ngôi làng

lâu đài

tòa nhà chọc trời

tiệm thuốc

ngôi đền

giáo đường Do Thái

đại sứ quán

tòa thị chính

nhà thờ Hồi giáo

nhà máy

câu lạc bộ đêm

đài phun nước

bưu điện

sân bóng đá

sân golf

băng ghế

thông tin du lịch

sân quần vợt

hồ bơi

kasino

konstgalleri

museum

nationalpark

souvenir

akvarium

vattenrutschkana

berg-och-dalbana

vattenpark

djurpark

lekplats

nödutgång
byggnad

brandlarm

brandsläckare

polisstation

stat

region

huvudstad

bảo tàng

phòng triển lãm nghệ thuật

sòng bạc

thủy cung

quà lưu niệm

công viên quốc gia

công viên nước

tàu lượn siêu tốc

trượt nước

cửa thoát hiểm

sân chơi

vườn bách thú

đồn cảnh sát

bình cứu hỏa

chuông báo cháy

thủ đô

khu vực

tiểu bang

Bệnh viện

olycka

patient

operation

tablett

feber

hosta

akut

intensivvårdsavdelning

väntrum

aspirin

sömntablett

utgångsdatum

dosering

hostmedicin

biverkning

insulin

pulver

kapsel

vitamin

smärtstillande medel

antibiotikum

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

ho

sốt

viên thuốc

phòng chờ

khoa hồi sức tích cực

phòng cấp cứu

ngày hết hạn

thuốc ngủ

thuốc aspirin

tác dụng phụ

si-rô ho

liều lượng

viên nhộng

bột

insulin

kháng sinh

thuốc giảm đau

vitamin

bakterie

virus

hjärtattack

diarré

diabetes

stroke

astma

cancer

influensa

tandvärk

solbränna

halsont

magont

infektion

allergi

kramp

huvudvärk

spruta
redskap

krycka

röntgenbild

ultraljudsmaskin

đau tim

vi rút

vi khuẩn

đột quy

tiểu đường

tiêu chảy

cúm

ung thư

hen suyễn

viêm họng

cháy nắng

đau răng

dị ứng

nhiễm trùng

đau bụng

ống tiêm

đau đầu

chuột rút

máy siêu âm

chụp X quang

nặng

plåster

rullstol

gips

puls

skada

nödfall

hjärnskakning

brännsår

fraktur

p-piller

graviditetstest

bó bột

xe lăn

bó bột

cấp cứu

chấn thương

mạch

gãy xương

vết bỏng

chấn động

thử thai

thuốc tránh thai

Nghề nghiệp

läkare

sjuksköterska

polis
person

president

kapten

detektiv

pilot

professor

lärare

advokat

sekreterare

assistent

domare
domstol

chef

kock

taxichaufför

busschaufför

modell

konstnär

premiärminister

apotekare

cảnh sát

y tá

bác sĩ

thám tử

thuyền trưởng

tổng thống

giáo viên

giáo sư

phi công

trợ lý

thư ký

luật sư

đầu bếp

quản lý

thẩm phán

người mẫu

tài xế xe buýt

tài xế taxi

dược sĩ

thủ tướng

nghệ sĩ

brandman

tandläkare

entreprenör

politiker

programmerare

flygvärdinna

forskare

förskollärare

arkitekt

bokhållare

konsult

åklagare

verkställande direktör

livvakt

hyresvärd

servitör

säkerhetsvakt

soldat

fiskare

städare

rörmokare

doanh nhân

nha sĩ

lính cứu hỏa

tiếp viên hàng không

lập trình viên

chính trị gia

kiến trúc sư

giáo viên mầm non

nhà khoa học

công tố viên

tư vấn viên

kế toán viên

chủ nhà

vệ sĩ

tổng quản lý

bộ đội

nhân viên bảo vệ

bồi bàn

thợ sửa ống nước

nhân viên vệ sinh

ngư dân

elektriker

bonde

receptionist

brevbärare

kassör

frisör

författare

journalist

fotograf

livräddare

sångare

musiker

skådespelare

reporter

tränare

domare
sport

lễ tân

nông dân

thợ điện

thợ làm tóc

thu ngân

người đưa thư

nhiếp ảnh gia

nhà báo

tác giả

nhạc sĩ

ca sĩ

nhân viên cứu hộ

huấn luyện viên

phóng viên

diễn viên

trọng tài

Kinh doanh

pengar

kontor

stress

försäkring

personal

avdelning

lön

adress

brev

telefonnummer

URL

e-postadress

webbsida

e-post

namnteckning

förlust

vinst

kund

belopp

kreditkort

lösenord

áp lực

văn phòng

tiền

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

địa chỉ email

url

số điện thoại

chữ ký

thư điện tử

trang mạng

khách hàng

lợi nhuận

thua lỗ

mật khẩu

thẻ tín dụng

số tiền

bankomat

skatt

mötesrum

visitkort

IT

personalavdelning

juridisk avdelning

bokföring

marknadsföring

försäljning

kollega

arbetsgivare

anställd

anteckning

presentation

pärm

stämpel

projektor

paket
post

frimärke

kuvert

phòng họp

thuế

máy rút tiền

nhân sự

công nghệ thông tin

danh thiếp

tiếp thị

kế toán

bộ phận pháp lý

người sử dụng lao động

đồng nghiệp

bán hàng

thuyết trình

chú thích

nhân viên

máy chiếu

con dấu cao su

bìa cứng

phong bì

con tem

bưu kiện

webbläsare

investering

aktiebörs

sedel

mynt

ränta

lån

kontonummer

bankkonto

sàn giao dịch chứng khoán

đầu tư

trình duyệt

tiền lãi

tiền xu

tiền giấy

tài khoản ngân hàng

số tài khoản

khoản vay

Thiết bị

telefon

TV-apparat

kamera

radio

fläkt

luftkonditionering

kaffemaskin

brödrost

dammsugare

hårtork

vattenkokare

diskmaskin

spis

ugn

mikrovågsugn

kylskåp

tvättmaskin

fjärrkontroll

hörlur

mus
dator

tangentbord

máy ảnh

bộ tivi

điện thoại

máy điều hòa

quạt

đài radio

máy hút bụi

máy nướng bánh mì

máy pha cà phê

máy rửa chén

ấm đun nước

máy sấy tóc

lò vi sóng

lò nướng

bếp điện

điều khiển từ xa

máy giặt

tủ lạnh

bàn phím

chuột

tai nghe

hårddisk

USB-sticka

skanner

skrivare

skärm

bärbar dator

robot

högtalare

máy quét

thanh USB

ổ cứng

máy tính xách tay

màn hình

máy in

loa

rô bốt